

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 25/3/2025*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Nhớ.

- Ông Võ Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2025/TLST-HS ngày 07/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 27/02/2025, Thông báo hoãn phiên tòa số 02/TB-TA ngày 10/3/2025, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 17/3/2025 đối với bị cáo:

- Nguyễn Phương T; sinh ngày 05/6/1968, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Khóm B, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Nông dân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị C (đã chết); có vợ là Tôn Nữ Thị B; có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 12/7/2024 cho đến nay; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Hợp tác xã D1; địa chỉ: Khóm E, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Trần D - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc Hợp tác xã D1; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Tôn Nữ Thị B, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khóm B, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Khóm E, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn T2, sinh năm 1963; nơi cư trú: Khóm B, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hợp tác xã D1 (HTX D1) là tổ chức kinh tế, có địa chỉ: Khóm E, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Ngày 22/11/2018, Nguyễn Phương T được Hội đồng quản trị - Ban Giám đốc HTX D1 nhiệm kỳ 2017-2022 giao nhiệm vụ làm thủ kho kiêm thủ quỹ. Đến ngày 19/12/2022, Hội đồng quản trị - Ban Giám đốc HTX D1 nhiệm kỳ 2022-2027 tiếp tục giao nhiệm vụ cho Nguyễn Phương T làm thủ kho kiêm thủ quỹ với phụ cấp là 1.440.000 đồng/tháng. Nhiệm vụ của T là thực hiện việc thu, chi tiền sau khi kế toán chuyển phiếu và quản lý tiền mặt của Hợp tác xã cho đến khi chuyển vào tài khoản tạm gửi ở ngân hàng của HTX D1, bảo quản an toàn quỹ tiền mặt hoạt động. Ngoài ra T còn có trách nhiệm quản lý tài sản, xuất nhập kho các vật tư nông nghiệp, tài sản khác theo Phiếu nhập, Phiếu xuất. Để quản lý tiền, ngoài quản lý tiền mặt, Nguyễn Phương T còn mở 2 tài khoản ngân hàng V số 9945415485 và A số 3903205234403 để thu, chi tiền của HTX D1 và để sử dụng cho cá nhân.

Ngày 04/7/2023, Ban D1 tiến hành kiểm tra quỹ tiền mặt theo sổ sách kế toán cung cấp, tiền quỹ còn là: 227.172.488 đồng và Nguyễn Phương T đã cung cấp đủ số tiền quỹ.

Ngày 03/11/2023, Ban D1 kiểm tra quỹ tiền mặt trong kỳ (từ ngày 05/7/2023 đến 31/10/2023) và chốt số liệu cuối năm 2023 xác định: Trong kỳ kế toán từ ngày 05/7/2023 đến 31/10/2023, HTX D1 đã thu số tiền 1.794.513.862 đồng và chi số tiền 1.789.647.300 đồng, tiền quỹ còn lại: 232.039.050 đồng (*không có kinh phí của UBND huyện hỗ trợ cho HTX trong việc sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi*). Thực tế ghi nhận, Nguyễn Phương T chỉ có trong tài khoản ngân hàng A số 3903205234403 là 22.029.000 đồng (ngày 03/11/2023 chuyển sang TK số 3903205124252 của Trần D - Chủ tịch HĐQT, Giám đốc HTX) và tiền mặt có 5.272.000 đồng.

Quá trình điều tra đã chứng minh: Trong thời gian từ ngày 05/7/2023 đến 31/10/2023, lợi dụng được giao quản lý tiền mặt của HTX D1, Nguyễn Phương T đã chiếm đoạt số tiền 204.738.050 đồng sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. T đã chiếm đoạt số tiền thông qua việc rút, chuyển khoản tiền của Hợp tác xã (tại tài khoản ngân hàng của T là V số 9945415485 và A số 3903205234403) với tổng số tiền là 109.640.722 đồng và chi tiêu số tiền mặt của Hợp tác xã là 95.097.328 đồng (không nhớ chính xác về thời gian chiếm đoạt).

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS-HL ngày 07/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng đã truy tố bị cáo Nguyễn Phương T về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Phương T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/7/2025. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Hợp tác xã D1 số tiền 204.738.050 đồng bị chiếm đoạt, không còn yêu cầu gì nên không xem xét. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị cấm bị cáo Nguyễn Phương T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thủ quỹ trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Quá trình điều tra đã thu giữ các tài liệu, giấy tờ, sổ, chứng từ, đây là các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo không có tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ ngày 05/7/2023 đến 31/10/2023, Nguyễn Phương T là thủ kho kiêm thủ quỹ của Hợp tác xã D1. Lợi dụng việc mình được giao quản lý quỹ tiền mặt của Hợp tác xã, T đã chiếm đoạt số tiền 204.738.050 đồng của Hợp tác xã để sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. Đủ cơ sở để kết luận hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Phương T đã phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản và hoạt động đúng đắn của HTX D1, gây mất trật tự an toàn tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để trừng trị, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ, nhân thân: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ thiệt hại. Hợp tác xã D1 đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình công tác tại địa phương, bị cáo đã nhiều lần được Đảng bộ, UBND Thị trấn Diên Sanh tặng Giấy khen trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, Quốc phòng, An ninh và công tác Đ. Gia đình bị cáo hiện nay có hoàn cảnh khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Phương T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo bị cáo và giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm. Cần tiếp tục tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Cần cấm bị cáo Nguyễn Phương T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thủ quỹ trong một thời hạn nhất định.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho Hợp tác xã D1 số tiền 18.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động đến gia đình, vợ là Tôn Nữ Thị B và anh trai là Nguyễn Văn H bồi thường cho Hợp tác xã D1 số tiền 186.738.050 đồng. Toàn bộ số tiền 204.738.050 đồng mà bị cáo chiếm đoạt đã được bị cáo và gia đình bồi thường, khắc phục xong, không còn yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Các loại sổ, chứng từ thu, chi và giấy tờ, tài liệu thu giữ trong quá trình điều tra là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phương T phạm tội "Tham ô tài sản".
2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phương T 03(ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/7/2024.
3. Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Phương T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thủ quỹ trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Nguyễn Phương T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Trị;
- Người tham gia tố tụng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- THAHS;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Bùi Diệu Lương